

Số: 1024/QĐ-CDCKNN

Phủ Thọ, ngày 12 tháng 9 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư công  
nguồn NSNN của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Quyết định số 4322/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 3472/TB-BNNMT ngày 27/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của dự án thành phần “DATP8: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp” thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc Đồng bằng Sông Hồng”;

Căn cứ Thông báo số 3609/TB-BNNMT ngày 03/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của Dự án thành phần: Xây dựng nhà Giáo dục thể chất Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu nhà Giáo dục thể chất cho một số trường”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành nguồn ngân sách nhà nước của 02 dự án thành phần của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp, chi tiết từng dự án như sau:

- Dự án thành phần “DATP8: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp” thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc Đồng bằng Sông Hồng”: 53.094.728.688 đồng.

- Dự án thành phần: Xây dựng nhà Giáo dục thể chất Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu nhà Giáo dục thể chất cho một số trường”: 21.130.688.455 đồng.

*(Chi tiết theo biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường phòng Tài chính - Kế toán và các đơn vị liên quan trong trường thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: TCKT, VT.



*TS. Phạm Thị Lan Phương*

Đơn vị: Trường Cao đẳng Cơ khí nông  
nghiệp  
Chương: 012

Biểu số 4- Ban hành kèm theo  
Thông tư 90/2018/TT-BTC  
ngày 28/9/2018 của Bộ Tài  
chính

## QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Kèm theo Quyết định số 1024/QĐ-CDCKNN ngày 12 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp )

ĐV tính: Đồng

| Số<br>TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                            | Tổng số liệu<br>báo cáo<br>quyết toán | Tổng số liệu<br>quyết toán<br>được duyệt | Chênh<br>lệch |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------------|
| 1        | 2                                                                                                                                                                                                                                   | 3                                     | 4                                        | 5=4-3         |
| A        | Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách<br>phí, lệ phí                                                                                                                                                                                   | 0                                     | 0                                        | 0             |
| I        | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                  | 0                                     | 0                                        | 0             |
| II       | Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ<br>hoặc để lại                                                                                                                                                                                   | 0                                     | 0                                        | 0             |
| III      | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà<br>nước                                                                                                                                                                                            | 0                                     | 0                                        | 0             |
| B        | Quyết toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                                   | 74.255.417.143                        | 74.255.417.143                           | 0             |
| I        | Nguồn ngân sách trong nước                                                                                                                                                                                                          | 74.255.417.143                        | 74.255.417.143                           | 0             |
| 1        | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                                                                              |                                       |                                          |               |
| 2        | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                                                 |                                       |                                          |               |
| 3        | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy<br>nghề                                                                                                                                                                                      | 74.255.417.143                        | 74.255.417.143                           | 0             |
| 3.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                                                                                      |                                       |                                          | 0             |
| 3.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                                                                                | 0                                     | 0                                        | 0             |
| 3.3      | Chi kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản                                                                                                                                                                                                 | 74.255.417.143                        | 74.255.417.143                           | 0             |
| -        | Dự án thành phần "DATP8: Nâng cấp,<br>cải tạo Trường Cao đẳng Cơ khí nông<br>nghiệp" thuộc dự án "Đầu tư cơ sở vật<br>chất cho khối trường khu vực Trung du,<br>miền núi phía Bắc và Bắc Đồng bằng<br>Sông Hồng". Mã dự án: 7972990 | 53.094.728.688                        | 53.094.728.688                           | 0             |
| -        | Dự án thành phần: "Xây dựng nhà<br>Giáo dục thể chất Trường Cao đẳng Cơ<br>khí nông nghiệp" thuộc dự án "Đầu tư<br>xây dựng khu nhà Giáo dục thể chất cho<br>một số trường" Mã dự án: 7972992                                       | 21.130.688.455                        | 21.130.688.455                           |               |
| 4        | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                                                                              |                                       |                                          |               |
| 5        | Chi bảo đảm xã hội                                                                                                                                                                                                                  |                                       |                                          |               |
| 6        | Chi hoạt động kinh tế                                                                                                                                                                                                               |                                       |                                          |               |
| 7        | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                                                     |                                       |                                          |               |
| 8        | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                                                                                                                                                                                     |                                       |                                          |               |
| 9        | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,<br>thông tấn                                                                                                                                                                                 |                                       |                                          |               |

| Số<br>TT   | Nội dung                       | Tổng số liệu<br>báo cáo<br>quyết toán | Tổng số liệu<br>quyết toán<br>được duyệt | Chênh<br>lệch |
|------------|--------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------------|
| <i>1</i>   | <i>2</i>                       | <i>3</i>                              | <i>4</i>                                 | <i>5=4-3</i>  |
| 10         | Chi sự nghiệp thể dục thể thao |                                       |                                          |               |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>      | <b>0</b>                              | <b>0</b>                                 | <b>0</b>      |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b> | <b>0</b>                              | <b>0</b>                                 | <b>0</b>      |

✓